TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/HS-ST
Ngày: 12.9.2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Tấn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan - Nghề nghiệp: Giáo viên.

Nơi công tác: Trường THPT huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông Lê Thanh Nhã - Nghề nghiệp: Giáo viên.

Nơi công tác: Phòng giáo dục huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2017/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Lương Văn Đ (tên gọi khác Đang A), sinh ngày 15/02/2000, đến ngày phạm tội thì bị cáo 17 tuổi 02 tháng 16 ngày; Nơi sinh: huyện V T, tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở hiện tại: ấp M T A, xã M T, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: kinh; Con ông Lương Văn S, sinh năm 1980 và bà Trương Thị V, sinh năm 1982; Vợ, con: không; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, được tại ngoại cho đến nay. (Có mặt).

***** *Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn Đ:* Bà Nguyễn Thị Khoa – Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang cử). (Có mặt).

* *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lương Văn Đ:* Ông Lương Văn N, sinh năm 1953 (ông nội của bị cáo Đang).

Địa chỉ cư trú: Ấp M T A, xã M T, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

* *Người bị hại:* Ông Võ Minh Q, sinh năm 1972.

Địa chỉ cư trú: Ấp T N, xã L M, huyện T B, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Cao Văn B, sinh ngày 09/12/2001.

Địa chỉ cư trú: Ấp C N A, xã T Y, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

* *Người đại diện hợp pháp cho Cao Văn B:* Bà Thị N, sinh năm 1983 (mẹ ruột Cao Văn B).

Địa chỉ cư trú: Ấp C N A, xã T Y, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào đêm 30/4/2017, Lương Văn Đ và Cao Văn B ngủ dưới ghe của ông Lương Văn T neo đậu ngay bến sông trước nhà ông Bùi Công L thuộc ấp Công Sự, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Đến khoảng 08 giờ ngày 01/5/2017, B đi về nhà và đem quần áo đến rủ Đ đi Thành phố Hồ Chí Minh tìm việc làm, do không có tiền nên Đ và B ở lại ghe của ông Lương Văn T.

Vào khoảng 07 giờ, ngày 01/5/2017 ông Võ Minh Q để trong bóp (ví đựng tiền) của mình gồm 01 (một) chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 10 chỉ và 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn) rồi bỏ bóp vào trong cốp xe mô tô biển kiểm soát 67K1-11581. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, ông Q chạy xe đến đậu cặp mé lộ (cách ghe của ông Lương Văn T khoảng 04m) ngay trước nhà của ông Bùi Công L. Sau đó Q vào nhà ông L, khoảng 15 phút sau, Q đi ra mở cốp xe lấy 500.000 đồng đem vào đưa cho ông M (người làm thuê cho ông Q) mượn, rồi bỏ lại bóp tiền trong cốp xe. Trong lúc ông Q mở cốp xe lấy tiền thì Lương Văn Đ và Cao Văn B trông thấy nên rủ nhau lấy trộm chia nhau tiêu xài. Lúc này, B đi đến xe ông Q dùng tay đưa vào trong cốp xe, móc lấy bóp tiền của ông Q ra rồi bỏ vào túi quần của mình, còn Đ đứng dưới ghe trông coi có người nào phát hiện không. Sau khi lấy được bóp tiền của ông Q, B và Đ đi đến đám sậy phía sau Trung tâm y tế huyện U Minh Thượng kiểm tra thì phát hiện trong bóp gồm có: 2.000.000đ (Hai triệu đồng); 01 (một) chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 10 chỉ; 02 (hai) giấy đăng ký mô tô xe máy; 01 (một) giấy phép lái xe; 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân và 01 (một) thẻ ATM.

B lấy 2.000.000 đồng và chiếc nhẫn vàng 24k bỏ vào trong túi quần, còn cái bóp và tất cả giấy tờ của ông Q, B ném bỏ lại trong đám sậy. Sau đó B và Đ đi ra Quốc lộ 63 đón xe khách đi thành phố Vũng Tàu và tiêu xài hết số tiền 2.000.000 đồng trộm được nên đem chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 10 chỉ bán cho một tiệm vàng không rõ tên và địa chỉ tại thành phố Vũng tàu với số tiền là 33.200.000đ (Ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng), B và Đ chia nhau tiêu xài hết số tiền trên.

Qua điều tra, Lương Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 26/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện U Minh Thượng kết luận: 01 (một) chiếc nhẫn vàng 24k (loại vàng 9999), kiểu nhẫn trơn, trọng lượng 10 chỉ, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá là 35.200.000đ (Ba mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

Về vật chứng: Ngày 11/7/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh Thượng đã tổ chức truy tìm nhưng không tìm gặp.

Tại bản Cáo trạng số 28/CTr-VKS ngày 24/8/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Lương Văn Đ về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69 và Điều 73 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Bị cáo Lương Văn Đ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị gia đình bị cáo Lương Văn Đ và gia đình Cao Văn B liên đới bồi thường số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và 10 chỉ vàng 24k cho người bị hại Võ Minh Q.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Khoa bào chữa cho bị cáo Lương Văn Đ trình bày quan điểm: Thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại điện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng về tội danh và hình phạt đối với bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ, ngoài các tình tiết mà Viện kiểm sát đề nghị thì tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa thành niên, suy nghỉ còn bồng bột, cha mẹ bị cáo ly hôn khi bị cáo còn nhỏ nên thiếu sự giáo dục cha mẹ, trình độ hiểu biết còn hạn chế, bị cáo không trực tiếp thực hiện trộm cắp, chỉ là người giúp sức cho B, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 69 và Điều 73 Bộ luật hình sự, cho bị cáo hưởng mức thấp nhất theo đề nghị đại diện Viện kiểm sát.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa gia đình bị cáo Lương Văn Đ và gia đình Cao Văn B thống nhất cùng liên đới bồi thường số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và 10 chỉ

vàng 24k cho người bị hại Võ Minh Q, mỗi người bồi thường 50%, đề nghị Hội đồng xét xét xử ghi nhận.

Bị cáo đồng ý với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý bà Nguyễn Thị Khoa. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cao Văn B là bà Thị N và anh Cao Văn B đồng ý với quan điểm truy tố và các đề nghị về điều luật áp dụng, mức đề nghị xử phạt, trách nhiệm dân sự của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng. Bà N, anh B thống nhất, đồng ý cùng gia đình bị cáo Đ liên đới bồi thường số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và 10 chỉ vàng 24k cho người bị hại Võ Minh Q, mỗi người bồi thường 50%, đề nghị Hội đồng xét xét xử xem xét.

Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo trình bày: Bị cáo đã biết hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận với hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện sữa chữa sai lầm, học tập và lao động để kiếm tiền bồi thường cho người bị hại, phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện U Minh Thượng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tung hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai bị cáo, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Vào khoảng 14 giờ ngày 01/5/2017 Lương Văn Đ và Cao Văn B nhìn thấy ông Võ Minh Q mở cốp xe biển kiểm soát 67K1-11581 lấy tiền nên rủ nhau lấy trộm chia nhau tiêu xài. B đi đến xe ông Q dùng tay đưa vào trong cốp xe, móc lấy bóp tiền của ông Q ra rồi bỏ vào túi quần của mình, còn Đ đứng dưới ghe trông coi có người nào phát hiện không. Sau khi kiểm tra thì phát hiện trong bóp gồm có 2.000.000đ (Hai triệu đồng); 01 (một) chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 10 chỉ và các giấy tờ của ông Q. Sau đó, Lương Văn Đ và Cao Văn B đi ra Quốc lộ 63 đón xe khách đi thành phố Vũng Tàu và chia nhau tiêu xài hết số tiền, vàng trộm được. Tổng giá trị tài sản bị xâm hại là 37.200.000đ

(Ba mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, nội dung bản Cáo trạng, lời khai của người bị hại và phù hợp các chứng cứ có trong hồ sơ đã được làm rõ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận bị cáo Lương Văn Đ đã có hành vi lén lút lấy trộm của ông Võ Minh Q tài sản có giá trị là 37.200.000 đồng.

Do đó, hành vi của bị cáo Lương Văn Đ đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự như kết luận của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận biết được việc lén lúc lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài và phục vụ nhu cầu của bản thân mà không cần phải lao động, từ đó bị cáo đã thực hiện trộm cắp tài sản. Hậu quả là bị cáo đã trộm cắp tài sản của ông Q với giá trị là 37.200.000 đồng. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến trái phép đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, mà còn gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, làm tăng thêm sự phức tạp về tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt sau này, sống có ích cho xã hội.

[4] Về các tình tiết tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; tại thời điểm phạm tội ngày 01/5/2017 bị cáo chưa thành niên (17 tuổi 02 tháng 16 ngày), trong vụ án này bị cáo tham gia với vai trò là người giúp sức, không trực tiếp thực hiện trộm cắp tài sản; Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, gia đình cam kết sẽ giáo dục tốt bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà giao về cho gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý giáo dục cũng đủ răn đe, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp

dụng điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46 và Điều 69, Điều 73 của Bộ luật Hình sự xem xét cho bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ.

Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh và mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, có cơ sở và ý kiến bào chữa của Trợ giúp viên là phù hợp.

[5] Đối với hành vi của Cao Văn B (sinh ngày 09/12/2001), tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Bò chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh Thượng đã ra Quyết định xử phạt hành chính (phạt cảnh cáo) số 104 ngày 11/8/2017, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với tiệm vàng ở thành phố Vũng Tàu mà Lương Văn Đ và Cao Văn B đem bán chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 10 chỉ, Đ và B không biết rõ tên và địa chỉ nên không có cơ sở để xác minh.

[6] Về các vấn đề khác:

- Về biện pháp tư pháp:

Ngày 11/7/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh Thượng đã tổ chức truy tìm vật chứng nhưng không tìm gặp.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc gia đình bị cáo Lương Văn Đ và gia đình Cao Văn B liên đới bồi thường số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và 10 chỉ vàng 24k (trị giá 35.200.000 đồng) cho người bị hại Võ Minh Q (Mỗi người bồi thường là 18.600.000 đồng).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69 và Điều 73 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lương Văn Đ 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập cá nhân do Bị cáo là người chưa thành niên. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đ cho Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Lương Văn Đ, gia đình bị cáo Đang và Cao Văn B, gia đình Cao Văn B liên đới bồi thường cho người bị hại Võ Minh Q số tiền mặt 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và 10 (mười) chỉ vàng 24k (trị giá 35.200.000 đồng), trong đó bị cáo Đ và gia đình bị cáo Đ phải bồi thường số tiền là 18.600.000đ (Mười tám triệu sáu trăm ngàn đồng). Cao Văn B và gia đình Cao Văn B phải bồi thường số tiền là 18.600.000đ (Mười tám triệu sáu trăm ngàn đồng).

4. Về biện pháp tư pháp: Ngày 11/7/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh Thượng đã tổ chức truy tìm vật chứng nhưng không tìm gặp.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Lương Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- Cơ quan THA Dân sự huyện U Minh Thượng;
- Công an huyện U Minh Thượng;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tấn Nghĩa